

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS - ST

Ngày: 08/01/2021.

“V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thạch Thanh Tâm.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2020/TLST – DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc *“Tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hui)”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2020/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ T, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020, bà Trương Thị Mỹ T trình bày:

Bà T có tham gia chơi hui 2.000.000 đồng/ chân, một tháng khai một lần, gồm 33 chân hui. Hui khai ngày 20/7/2016. Ngày 20/9/2018, bà có cho bà H mượn hót chân hui với số tiền 62.400.000 đồng, hai bên thỏa thuận đến ngày 20/3/2019 bà H phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà T số tiền vốn và lãi là 65.600.000 đồng. Nhưng đến nay bà H vẫn không hoàn trả. Vụ việc đã được hòa giải cơ sở, nhưng không thành.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn thiếu là 65.600.000 đồng, cách thức trả: trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2020, cũng như tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Tôi thừa nhận tôi có mượn hốt chân hụi của bà T với số tiền 62.400.000 đồng, tôi có thỏa thuận sẽ đóng lãi đến ngày hụi mãn 20/3/2019 với số tiền vốn lãi là 65.600.000 đồng. Nhưng đến nay do hoàn cảnh khó khăn tôi vẫn chưa thực hiện được. Tôi đồng ý hoàn trả cho bà T số tiền vốn lãi là 65.600.000 đồng, nhưng xin được trả dần cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 65.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hoàn trả số tiền 65.600.000 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền này. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả 65.600.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bị đơn xin được trả dần số tiền còn nợ, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.280.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị Mỹ T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 280 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ T: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền 65.600.000 đồng (sáu mươi lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày bà Trương Thị Mỹ T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Thu H còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 3.280.000 đồng (ba triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị Mỹ T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Trương Thị Mỹ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.640.000 đồng (một triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007190 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Triều Vũ Hà